

Số: 32/KL-TTT

Hung Yên, ngày 22 tháng 6 năm 2026

KẾT LUẬN THANH TRA

Công tác quản lý, cấp phép hoạt động khoáng sản của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Thực hiện các Quyết định của Chánh Thanh tra tỉnh Hưng Yên: số 35/QĐ-TTT ngày 02/3/2026 về thanh tra công tác quản lý, cấp phép hoạt động khoáng sản của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (thời kỳ thanh tra từ năm 2020 đến ngày 31/12/2025); số 181/QĐ-TTT ngày 21/4/2026 về gia hạn thời hạn thanh tra của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 35/QĐ-TTT ngày 02/3/2026; từ ngày 09/3/2026 đến ngày 20/5/2026, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 09/BC-ĐTT ngày 01/6/2026 của Trưởng Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Hưng Yên là tỉnh ven biển với diện tích 2.514,81 km² với đường bờ biển dài khoảng 54 km, sở hữu vị trí địa lý chiến lược nằm giữa hai trung tâm kinh tế lớn là Hà Nội và Hải Phòng; có khoáng sản hạn chế, chỉ có nguồn cát sông, cát biển với trữ lượng đáp ứng một phần nhu cầu xây dựng của tỉnh, không có khoáng sản làm vật liệu xây dựng (VLXD) khác; đất sét sản xuất gạch ngói được phân bố trên diện rộng ít được khai thác sử dụng; nước khoáng, nước nóng thiên nhiên đang được khai thác sử dụng; Than nâu thuộc bể than đồng bằng sông Hồng đã được điều tra, chưa được khai thác.

Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản: Tham mưu văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh; Tham mưu UBND tỉnh các biện pháp, giải pháp trong quản lý khoáng sản; Hướng dẫn tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia hoạt động khoáng sản; tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định hồ sơ trình UBND tỉnh cấp phép hoạt động khoáng sản; Phối hợp với các ngành chức năng trong tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc giám sát, thanh tra, kiểm tra công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên khoáng sản tại địa phương theo quy định; việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân có hoạt động thăm dò, khai thác; Giải quyết hoặc tham gia giải quyết việc tranh chấp về hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, sử dụng bến bãi để chứa và trung chuyển khoáng sản; xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật về khoáng sản.

Sở Xây dựng thẩm định, hoặc tham gia ý kiến đối với các Thiết kế kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản làm VLXD.

Sở Tài chính hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và tiếp nhận, thẩm định Hồ sơ đề nghị cấp Chủ trương đầu tư (nếu có). Chủ trì phối hợp cơ quan thuế và các đơn vị có liên quan đề xuất các biện pháp quản lý thu thuế, phí, lệ phí về hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế điều tiết khoản thu từ hoạt động khoáng sản để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho các địa phương có hoạt động khoáng sản; đồng thời hướng dẫn quản lý sử dụng nguồn thu từ hoạt động khoáng sản.

Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh tuần tra, kiểm soát, giám sát hoạt động khoáng sản; Phối hợp với các sở, ngành liên quan tham gia các đợt thanh tra liên ngành trên toàn tỉnh để xử lý các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về khoáng sản.

Ủy ban nhân dân xã, phường kiểm tra, kiểm soát, giám sát các hoạt động khoáng sản trên địa bàn; Giải quyết theo thẩm quyền các vấn đề có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản tại địa phương; Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội tại khu vực có khoáng sản; phối hợp với cơ quan thanh tra, kiểm tra giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo có nội dung liên quan đến hoạt động khoáng sản tại địa phương.

Từ năm 2020 đến ngày 31/12/2025 Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đấu giá thành công 08 mỏ khoáng sản cát làm VLXD thông thường tại khu vực chưa có kết quả thăm dò khoáng sản; cấp 10 giấy phép thăm dò khoáng sản; 10 giấy phép khai thác khoáng sản cát; 02 giấy phép chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, 01 quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.

Nhìn chung các Doanh nghiệp khai thác cơ bản thực hiện theo quy định pháp luật khoáng sản, đảm bảo an toàn bờ bãi, đê kè; tăng thu ngân sách nhà nước các nguồn thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản..., đồng thời bảo vệ khu vực khoáng sản chưa khai thác và giảm hiện tượng khai thác cát trái phép trên các tuyến sông, ven biển trên địa bàn tỉnh.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về khoáng sản

1.1. Việc ban hành văn bản, hướng dẫn thực hiện các quy định về quản lý, cấp phép hoạt động khoáng sản theo thẩm quyền và công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến quản lý nhà nước về khoáng sản. Trong giai đoạn 2020-2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường (trước là Sở Tài nguyên và Môi trường) và các Sở, ngành thuộc tỉnh

Hưng Yên trước và sau khi sáp nhập đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 40 văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến lĩnh vực khoáng sản (*chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo Kết luận thanh tra*).

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh¹; tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các quy trình tiếp nhận, thẩm định thủ tục hành chính về lĩnh vực khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định².

Ngoài ra, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo đường dây nóng tiếp nhận kiến nghị, phản ánh về lĩnh vực khoáng sản trên địa bàn tỉnh³.

Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cũ là cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên, nhưng từ năm 2020-2025, hàng năm Sở Tài chính không tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên mà sử dụng Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 15/4/2018 cho đến khi sáp nhập tỉnh là chưa đảm bảo quy định tại điểm 5.3 khoản 5 Điều 6 Thông tư 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 41/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hoá giống nhau và Thông tư số 152/2015/TT-BTC.

¹Các Quyết định của tỉnh Thái Bình cũ: số 3288/QĐ-UBND ngày 02/12/2020; số 3365/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; số 3055/QĐ-UBND ngày 29/12/2022, số 2925/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; số 2285/QĐ-UBND ngày 30/12/2024. Quyết định của tỉnh Hưng Yên cũ: số 15/2018/QĐ-UBND ngày 15/4/2018 thực hiện từ khi ban hành quyết định cho đến khi sáp nhập tỉnh; ngày 09/3/2020 Sở Tài chính có Báo cáo số 27/BC-STC đề nghị UBND tỉnh tiếp tục giữ nguyên, không điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND; hàng năm Sở Tài chính không tham mưu UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh mà sử dụng Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND từ khi ban hành Quyết định cho đến khi sáp nhập tỉnh. Quyết định của tỉnh Hưng Yên mới: số 2038/QĐ-UBND ngày 04/12/2025.

² Các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 2976/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 về việc công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường (trong đó có lĩnh vực khoáng sản); số 2548/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 về việc công bố Danh mục TTHC được chuẩn hóa trong lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Thái Bình; số 1864/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 về việc công bố TTHC nội bộ lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan cấp tỉnh; số 302/QĐ-UBND ngày 11/02/2025 về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường; số 935/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 về công bố chuẩn hóa danh mục TTHC trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường; số 760/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 về công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường; số 1738/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường; số 1933/QĐ-UBND ngày 25/11/2025 về việc công bố danh mục TTHC cấp tỉnh mới ban hành trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

³ các Thông báo: số 385/TB-STNMT ngày 01/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên cũ; số 11/TB-SNNMT ngày 13/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Bình cũ; số 03/TB-SNNMT ngày 04/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Trong giai đoạn 2020-2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về khoáng sản của Trung ương, của tỉnh đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh thông qua hệ thống Mạng văn phòng liên thông tỉnh Thái Bình cũ, Hệ thống quản lý văn bản tỉnh Hưng Yên và trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện cũ và Ủy ban nhân dân xã, phường; các cơ quan báo chí của tỉnh... qua đó đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản.

1.2. Về điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản

Đến nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường chưa tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo điểm d khoản 2 Điều 14 Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024.

1.3. Việc lập, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản

Quy hoạch thời kỳ 2021-2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Phương án thăm dò, khai thác, sử dụng và bảo vệ khoáng sản trên địa bàn tỉnh và tích hợp trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các Quyết định: số 1735/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 (tỉnh Thái Bình cũ); số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 (tỉnh Hưng Yên cũ).

Căn cứ vào các Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên tích hợp trong Quy hoạch tỉnh.

Tổng hợp quyết định phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh tại Biểu số 01 Phụ lục 2 kèm theo Kết luận thanh tra.

1.4. Việc lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Đối với tỉnh Thái Bình cũ: Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 về việc phê duyệt kết quả khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2015-2025, trong đó: 1.102 khu vực cấm hoạt động khoáng sản, diện tích 7.902,3 ha (trong đó có 12 khu vực bảo vệ rừng phòng hộ ven biển, rừng ngập mặn diện tích 3.975,26 ha) và 657 khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, diện tích 2.745 ha.

Sau đó khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng

sản được tích hợp trong Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trong Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29/12/2023, trong đó: 1.122 khu vực cấm hoạt động khai thác khoáng sản, diện tích 4.319,758 ha (trong đó có 12 khu vực bảo vệ rừng phòng hộ ven biển, rừng ngập mặn diện tích 300 ha) và 649 khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác khoáng sản, diện tích 1.734 ha.

Đối với tỉnh Hưng Yên cũ: Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 về phê duyệt kết quả khoanh định vùng cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, trong đó: 2.231 khu vực cấm hoạt động khai thác khoáng sản, diện tích 74.610,15 ha; không có khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác khoáng sản.

Sau đó khoanh định khu vực cấm (không khoanh định khu vực tạm thời cấm) hoạt động khoáng sản được tích hợp trong Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trong Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024, trong đó khu vực cấm hoạt động khai thác khoáng sản tương tự Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 14/7/2017.

Tổng hợp khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh tại Biểu số 02 Phụ lục 2 kèm theo Kết luận thanh tra.

Qua kiểm tra, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định.

Tuy nhiên, Khu vực cấm hoạt động khai thác khoáng sản trong Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trong Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 trong đó có khu vực đất bảo vệ rừng phòng hộ ven biển, rừng ngập mặn với 12 khu vực, tổng diện tích 300 ha không đúng với diện tích khu vực đất bảo vệ rừng phòng hộ ven biển, rừng ngập mặn (đất lâm nghiệp) đến năm 2030 trong Quy hoạch tỉnh là 9.286 ha (gồm: 1.186 ha trong địa giới hành chính và 8.100 ha ngoài địa giới hành chính).

1.5. Việc khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; việc công khai, minh bạch thông tin khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; việc phê duyệt, quyết định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cũ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Quyết định: số 2885/QĐ-UBND ngày 11/12/2012 về phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái

Bình; số 2402/QĐ-UBND ngày 15/10/2014 về việc bổ sung Điều 1 Quyết định số 2885/QĐ-UBND ngày 11/12/2012; số 2648/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 về việc bổ sung Điều 1 Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 15/10/2014, các Quyết định trên được thực hiện cho đến ngày sáp nhập tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên cũ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Quyết định: số 1964/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 về khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; số 2450/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 về hủy bỏ Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên cũ.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 về phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (đợt 1) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Tổng hợp khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh tại Biểu số 03 Phụ lục 2 kèm theo Kết luận thanh tra.

1.6. Khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ

Trên địa bàn tỉnh Hưng Yên không có khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ, nên Sở Nông nghiệp và Môi trường không tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về phê duyệt khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ.

1.7. Về công nhận chỉ tiêu tính trữ lượng khoáng sản

Khoáng sản rắn trên địa bàn tỉnh chỉ có cát sông, cát biển, sét gạch ngói. Việc áp dụng các chỉ tiêu tính trữ lượng khoáng sản được thực hiện trong công tác thăm dò đối với từng mỏ khoáng sản (thể hiện trong Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản) theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn, số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản (nay là Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản); căn cứ kết quả thăm dò, Hội đồng tư vấn kỹ thuật do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập thẩm định các hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản; căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng, Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

1.8. Về phê duyệt trữ lượng khoáng sản

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật thẩm định các hồ sơ đề nghị phê duyệt

trữ lượng khoáng sản. Căn cứ kết quả thăm định của Hội đồng, Sở đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, công nhận trữ lượng, kết quả thăm dò khoáng sản. Từ năm 2020 đến ngày 31/12/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 07 quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát. Trong đó trữ lượng cát biển là 12.829.750 m³, trữ lượng cát sông là 1.510.899 m³.

Kết quả phê duyệt trữ lượng theo loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh tại Biểu số 04 Phụ lục 2 kèm theo Kết luận thanh tra.

Tổng hợp phê duyệt trữ lượng khoáng sản có hiệu lực trên địa bàn tỉnh tại Biểu số 05 Phụ lục 2 kèm theo Kết luận thanh tra.

1.9. Về thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép

Việc thống kê, kiểm kê trữ lượng chủ yếu do doanh nghiệp tự thực hiện và báo cáo. Căn cứ vào thực tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện đo đạc, kiểm kê trữ lượng các khu vực được cấp phép. Năm 2023, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra, đo đạc, xác định trữ lượng của 03 đơn vị được cấp phép (Công ty Cổ phần đầu tư công nghệ Phúc An - mỏ cát xã Tân Hưng, Công ty Cổ phần HDQ City - mỏ xã Hoàng Hanh (nay là xã Hồng Châu), Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Hồng Giang - mỏ xã Quảng Châu (nay là xã Hồng Châu)), trong đó có 02 đơn vị đã hết trữ lượng khai thác, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã yêu cầu lập hồ sơ đóng cửa mỏ (Công ty Cổ phần HDQ City - mỏ xã Hoàng Hanh, Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Hồng Giang - mỏ xã Quảng Châu).

Kết quả thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản trên địa bàn tỉnh tại Biểu số 06 Phụ lục 2 kèm theo Kết luận thanh tra.

1.10. Về cho thuê đất/giao khu vực biển hoạt động khoáng sản, sử dụng hạ tầng kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật

Từ năm 2020 đến ngày 31/12/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 04 quyết định giao khu vực biển cho 04 tổ chức khai thác cát biển với tổng diện tích 366,85 ha (gồm: Công ty Cổ phần khai thác khoáng sản Việt Thành, Công ty Cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long, Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải, Công ty Cổ phần Hải Đăng Thái Bình) và 04 quyết định cho thuê đất với tổng diện tích 74.419,1 m² cho 04 dự án khai thác, sử dụng nước khoáng (gồm: Công ty Cổ phần dịch vụ dầu khí Thái Bình, Công ty Cổ phần BB Vital Holdings, Công ty Cổ phần Nhân Bình, Công ty TNHH Lavie).

Ngoài ra, có 01 tổ chức khai thác cát biển (Công ty Cổ phần Hải Đăng Thái Bình) với diện tích khai thác khoáng sản là 90 ha, có 86,85 ha biển và 3,15 ha đất có mặt nước ven biển mới được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao 86,85 ha

khu vực biển; ngày 31/10/2025 Công ty Cổ phần Hải Đăng có Văn bản số 31.10/TB-HĐTB về thông báo ngày bắt đầu khai thác mỏ từ ngày 10/11/2025 nhưng đến nay chưa có thủ tục cho thuê đất; ngày 06/11/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác phạm vi khu vực được phép khai thác, trong đó bàn giao cho Công ty khai thác trong phần diện tích 86,85 ha; 01 tổ chức khai thác cát biển (Công ty Cổ phần khai thác khoáng sản Việt Thành được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 2066/GP-UBND ngày 05/12/2025 tại mỏ cát biển TH04 xã Đồng Châu, tỉnh Hưng Yên) đến nay đã nộp hồ sơ đề nghị giao khu vực biển, hiện Sở Nông nghiệp và Môi trường đang giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

1.11. Về thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, khoáng sản chưa khai thác, tài nguyên thiên nhiên khác theo quy định của pháp luật; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội tại khu vực có khoáng sản

Đối với tỉnh Thái Bình cũ: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 về việc phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh để đảm bảo quản lý, bảo vệ có hiệu quả tài nguyên khoáng sản chưa khai thác; ngăn chặn, xử lý các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, bảo vệ môi trường, sinh thái, đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực; tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản; cụ thể hóa công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh.

Sau đó việc khoanh định các khu vực khoáng sản đưa vào bảo vệ tỉnh Thái Bình cũ được đưa vào trong Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29/12/2023, gồm: Khoanh định 01 điểm khoáng sản Titan (ilmelit-zircon) sa khoáng ven biển thuộc khu vực các cửa sông Trà Lý, sông Thái Bình đến sông Hồng; Khoanh định 01 điểm khoáng sản sét gốm thuộc huyện Hưng Hà có trữ lượng cấp P2, có chất lượng trung bình, đảm bảo các chỉ tiêu để sản xuất gốm; Khoanh định 06 mỏ khoáng sản sét gạch, ngói trên toàn tỉnh như Kim Trung, Nhân Lang (huyện Hưng Hà); Đống Năm (huyện Đông Hưng); Quang Trung (huyện Kiến Xương);

Đối với tỉnh Hưng Yên cũ: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 về việc phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh để đảm bảo quản lý, bảo vệ có hiệu quả tài nguyên khoáng sản chưa khai thác; ngăn chặn, xử lý các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, bảo vệ môi trường, sinh thái, đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực; tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản; cụ thể hóa công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh.

Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 không khoanh định chi tiết các khu vực khoáng sản đưa vào bảo vệ.

1.12. Về báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản ở trung ương về tình hình hoạt động khoáng sản trên địa bàn

Định kỳ hàng năm, được Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở ngành và các tổ chức khai thác khoáng sản tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản và hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh⁴ bảo đảm quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ (nay là khoản 6 Điều 16 Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

1.13. Về thanh tra, kiểm toán, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản theo thẩm quyền

Năm 2022, Kiểm toán nhà nước kiểm toán chuyên đề công tác quản lý nhà nước về Tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 tỉnh Thái Bình. Các dạng vi phạm, hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm đã được các cơ quan thanh tra, kiểm tra phát hiện, kết luận, kiến nghị khắc phục, xử lý: *Không nắm được số liệu ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn giai đoạn 2017-2021; Công ty bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ không đạt tiêu chuẩn theo quy định; Chưa phối hợp trao đổi thông tin số liệu giữa Cục thuế tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường; Không kịp thời tham mưu đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định.* Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước; ngày 06/3/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đã ký Báo cáo số 28/BC-UBND về kết quả thực hiện nội dung kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Thông báo số 154/TB-KTNN ngày 02/02/2023 gửi Kiểm toán Nhà nước.

Ngày 19/6/2025, Thanh tra tỉnh Hưng Yên cũ có Kết luận số 57/KL-TTT kết luận thanh tra chuyên đề về công tác quản lý thăm dò, khảo sát, quy hoạch, cấp phép, khai thác, vận chuyển đối với các mỏ vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2024). Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Công văn số 1695/SNNMT-TNN ngày 25/6/2025 về việc niêm yết công khai Kết luận số 57/KL-TTT ngày 19/6/2025 của Thanh tra tỉnh, theo đúng yêu cầu trong kết luận thanh tra.

Ngày 08/10/2025, Thanh tra tỉnh có Kết luận số 06/KL-TTT kết luận thanh

⁴Tỉnh Thái Bình cũ gồm các Báo cáo: số 30/BC-STNMT ngày 08/02/2021; số 23/BC-STNMT ngày 18/02/2022; số 24/BC-STNMT ngày 06/02/2023; số 32/BC-STNMT ngày 30/01/2024 và số 22/BC-STNMT ngày 22/01/2025.

Tỉnh Hưng Yên cũ gồm các Báo cáo: số 75/BC-STNMT ngày 05/02/2021; số 67/BC-STNMT ngày 08/02/2022; số 58/BC-STNMT ngày 21/01/2023; số 49/BC-STNMT ngày 29/01/2024; số 14/BC-STNMT ngày 16/01/2025).

tra công tác quản lý thăm dò, khảo sát, quy hoạch, cấp phép, khai thác, vận chuyển đối với các mỏ vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình (thời kỳ thanh tra từ năm 2022 đến ngày 30/6/2024). Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Báo cáo số 22/BC-SNNMT ngày 09/01/2026 về kết quả thực hiện nội dung kiến nghị của Thanh tra tỉnh tại Kết luận thanh tra số 06/KL-TTT ngày 08/10/2025 gửi Thanh tra tỉnh.

Trong giai đoạn 2020-2025, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình (cũ) tiến hành thanh tra, kiểm tra đối với 15 tổ chức, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình cũ ban hành 05 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 05 tổ chức với tổng số tiền xử phạt 2.460.000.000 đồng, đến nay cả 05 tổ chức đã chấp hành nộp đủ số tiền xử phạt nêu trên; Chánh thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cũ quyết định xử phạt vi phạm hành chính 01 tổ chức bằng hình thức cảnh cáo; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 01 tổ chức với số tiền 30.000.000 đồng, tổ chức đã chấp hành xong việc nộp phạt.

Tổng hợp xử lý vi phạm pháp luật khoáng sản tại Biểu số 07 Phụ lục 2 kèm theo Kết luận thanh tra.

2. Việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Giai đoạn từ năm 2020-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thành công 08 mỏ cát tại khu vực chưa có kết quả thăm dò khoáng sản. Đến nay có 04 mỏ cát đã hoàn thiện thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khoáng sản. Tổng số tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản 341.285.067.725 đồng; 01 mỏ cát bị hủy kết quả trúng đấu giá, tiền đặt trước không được trả lại và nộp ngân sách nhà nước 1.105.000.000 đồng (Mỏ cát xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên (trước là xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà) của Công ty TNHH Xây dựng Nam Trung Hải bị hủy kết quả trúng đấu giá tại Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình cũ).

Kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản giai đoạn từ năm 2020-2025 tại Biểu số 08 Phụ lục 2 kèm theo Kết luận thanh tra.

Trong 08 hồ sơ đấu giá quyền khai thác khoáng sản có 06 hồ sơ đã được thanh tra và có Kết luận thanh tra (Hồ sơ đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát tại xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu cũ đã được Thanh tra tỉnh Hưng Yên cũ thanh tra và có Kết luận số 57/KL-TTT ngày 19/6/2025; Hồ sơ đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát biển TH03, TH04, TH11, TH12 và mỏ cát tại xã Long Hưng đã được Thanh tra tỉnh Thái Bình cũ thanh tra và có Kết luận số 06/KL-TTT ngày 08/10/2025).

Qua kiểm tra 02 hồ sơ đấu giá quyền khai thác khoáng sản phát sinh từ ngày 01/7/2024 đến ngày 31/12/2025 gồm: mỏ cát sông Hồng xã Đức Hợp, tỉnh Hưng Yên (MĐ 2.2, xã Mai Động, huyện Kim Động cũ) và mỏ cát sông Hồng xã Tân Hưng, tỉnh Hưng Yên (TH.1.1, xã Tân Hưng, thành phố Hưng Yên cũ)

kèm theo Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 18/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh cho thấy: Tại điểm 5 mục 1 phần I Chương I về Các điều kiện khác quy định: “*Sau khi trúng đấu giá nhà đầu tư phải thực hiện việc tham vấn cộng đồng tại địa phương nơi có mỏ đấu giá (theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ). Phải được sự đồng thuận của trên 50% cộng đồng dân cư, cá nhân chịu ảnh hưởng trực tiếp của dự án và 100% chính quyền, các đoàn thể tại địa phương (cấp xã) nơi có mỏ đấu giá mới được cấp phép và thực hiện khai thác.*”. Việc yêu cầu tham vấn ý kiến cộng đồng phải được sự đồng thuận của trên 50% cộng đồng dân cư, cá nhân chịu ảnh hưởng trực tiếp của dự án và 100% chính quyền, các đoàn thể tại địa phương (cấp xã) là không phù hợp với quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Mặt khác, theo Hồ sơ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Đối với Dự án khai thác khoáng sản mỏ cát sông Hồng tại xã Mai Động, huyện Kim Động của Công ty TNHH xây dựng Đức An Hưng Yên không thể hiện kết quả việc tham vấn ý kiến cộng đồng dân cư, cá nhân chịu ảnh hưởng trực tiếp của dự án và chính quyền, các đoàn thể tại địa phương như đã yêu cầu tại Hồ sơ mời đấu giá (*Việc tham vấn ý kiến cộng đồng dân cư, cá nhân chịu ảnh hưởng trực tiếp của dự án: số lượng người nằm gần dự án và có thể chịu tác động bởi hoạt động của dự án khoảng 150 hộ dân, số lượng người tham dự cuộc họp tham vấn cộng đồng ngày 14/5/2025 là 128 hộ dân chỉ có 15 người đồng ý ký, còn lại không đồng ý. Việc tham vấn chính quyền, các đoàn thể tại địa phương: mới có văn bản tham vấn của Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Mai Động*). Đối với Dự án Khai thác khoáng sản mỏ cát sông Hồng tại xã Tân Hưng, thành phố Hưng Yên của Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Hà Thành - UDIC không thể hiện kết quả việc tham vấn ý kiến cộng đồng dân cư, cá nhân chịu ảnh hưởng trực tiếp của dự án như đã yêu cầu tại Hồ sơ mời đấu giá (*Báo cáo ĐTM không thể hiện số lượng hộ dân nằm gần dự án và có thể chịu tác động bởi hoạt động của dự án, số lượng hộ dân tham dự cuộc họp tham vấn cộng đồng - không thể hiện số lượng người tham dự họp lấy ý kiến đảm bảo 2/3 tổng số các hộ dân nằm gần dự án và có thể chịu tác động bởi hoạt động của dự án trên địa bàn xã theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025*); không thể hiện được sự đồng thuận của trên 50% cộng đồng dân cư, cá nhân chịu ảnh hưởng trực tiếp của dự án).

3. Việc cấp phép thăm dò, khai thác, tận thu khoáng sản

3.1. Việc cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản

Giai đoạn 2020-2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp 10 Giấy phép thăm dò khoáng sản vật liệu xây dựng (04 mỏ cát biển và 06 mỏ cát lòng sông). Hiện nay còn 03 giấy phép thăm dò còn hiệu

lực. Sau khi được cấp Giấy phép thăm dò, các đơn vị tiến hành triển khai hoạt động thăm dò theo đúng đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật.

Giai đoạn 2020-2025, trên địa bàn tỉnh không thực hiện thủ tục lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Các đơn vị được cấp phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (đợt 1) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thuộc trường hợp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 36 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

Tổng hợp giấy phép thăm dò khoáng sản đang còn hiệu lực tại Biểu số 09 Phụ lục 2 kèm theo Kết luận thanh tra.

Từ ngày 01/7/2024 đến ngày 31/12/2025, Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp 05 Giấy phép thăm dò khoáng sản; 02 quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

Kiểm tra 05 bộ hồ sơ cấp phép thăm dò (gồm: (1) *Mỏ cát sông Hồng (TH.1.1) tại xã Tân Hưng của Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Hà Thành - UDIC*; (2) *mỏ cát sông Hồng (MĐ.2.2) tại xã Đức Hợp của Công ty TNHH xây dựng Đức An Hưng Yên*; (3) *mỏ cát sông Hồng (SH-02) tại xã Nam Tiền Hải của Công ty Cổ phần SHC*; (4) *mỏ cát sông Hồng (SH-04) tại xã Thư Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Hoàng Cầu*; (5) *mỏ cát sông Hồng (SH-05) tại xã Thư Vũ của Công ty Cổ phần xây dựng Xuân Quang*) và 02 quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản, nhận thấy:

- Có 03 Hồ sơ cấp phép thăm dò khoáng sản (gồm: Mỏ cát sông Hồng (SH-02); Mỏ cát sông Hồng (SH-04) và Mỏ cát sông Hồng (SH-05)) phù hợp với quy hoạch, bảo đảm về trình tự, thủ tục, thời gian giải quyết theo quy định tại Điều 45 Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024; Điều 36, Điều 42 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố danh mục Thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Có 02 Hồ sơ cấp phép thăm dò khoáng sản (gồm: Mỏ cát sông Hồng (TH.1.1) và Mỏ cát sông Hồng (MĐ.2.2)) phù hợp với quy hoạch; thời gian giải quyết, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản đảm bảo theo quy định tại Điều 48 Luật Khoáng sản năm 2010, Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22, khoản 23 Điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ, Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành

chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường, trong đó nội dung đơn giản hóa: cắt giảm (việc thành lập hội đồng thẩm định), rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (nay là Điều 45 Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024; Điều 36, Điều 42 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh). Tuy nhiên, còn hạn chế: Quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 4 Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể: không thực hiện việc kiểm tra thực địa; không gửi văn bản đến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản.

- Có 02 hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, gồm: Mỏ cát xã Tân Hưng của Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Hà Thành - UDIC và Mỏ cát xã Đức Hợp của Công ty TNHH xây dựng Đức An Hưng Yên được giải quyết đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Luật Khoáng sản năm 2010, Điều 66 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 33 Điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ, Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố chuẩn hoá danh mục Thủ tục hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3.2. Việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản

Giai đoạn 2020-2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp 12 Giấy phép khai thác khoáng sản (trong đó có 01 quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản), gồm: cấp mới, gia hạn cho 10 mỏ cát lòng sông và ven biển; cấp 02 giấy phép chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản. Tổng số 16 giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực (trong đó có 04 giấy phép khai thác nước khoáng do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép, theo Luật Địa chất và Khoáng sản chuyển về Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý).

Thống kê giấy phép khai thác khoáng sản giai đoạn 2020-2025 và giấy phép đang còn hiệu lực đến ngày 31/12/2025 tại Biểu số 10 Phụ lục 2 kèm theo Kết luận thanh tra.

Thống kê giấy phép khai thác khoáng sản đến ngày 31/12/2025 hết hiệu lực nhưng chưa đóng cửa mỏ tại Biểu số 11 Phụ lục 2 kèm theo Kết luận thanh tra.

Kết quả khai thác theo loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh tại Biểu số 12 Phụ lục 2 kèm theo Kết luận thanh tra.

Qua kiểm tra một số Giấy phép khai thác khoáng sản (cát biển, cát sông) đã cấp cho các tổ chức khai thác nhận thấy còn tồn tại, hạn chế: Cùng là loại

hình khai thác cát biển, cát sông bằng công nghệ bơm hút nhưng một số giấy phép ghi “Phương pháp khai thác khoáng sản: Lộ thiên” (Giấy phép số 2066/GP-UBND ngày 05/12/2025 cấp cho Công ty Cổ phần khai thác khoáng sản Việt Thành tại khu vực mỏ cát biển TH04 xã Đồng Châu, tỉnh Hưng Yên; Giấy phép số 1502/GP-UBND ngày 23/10/2025 cấp cho Công ty TNHH xây dựng Đức An Hưng Yên tại khu vực mỏ cát sông Hồng thuộc xã Đức Hợp, tỉnh Hưng Yên), có giấy phép ghi “Phương pháp khai thác: Bơm hút” (Giấy phép số 42/GP-UBND ngày 27/5/2024 cấp cho Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải tại mỏ cát TH12, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình cũ); việc xác định phương pháp khai thác “bơm hút” là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, Mẫu số 24 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là mẫu số 15 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

Qua kiểm tra một số Hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản cho thấy:

- Các Hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (*mỏ cát biển TH04 xã Đồng Châu của Công ty Cổ phần khai thác khoáng sản Việt Thành; mỏ cát xã Tân Hưng của Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Hà Thành - UDIC; mỏ cát xã Đức Hợp của Công ty TNHH xây dựng Đức An Hưng Yên; mỏ cát xã Châu Ninh của Công ty TNHH Minh Phương*) phù hợp với quy hoạch; thành phần hồ sơ, điều kiện cấp phép và trình tự, thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ bảo đảm theo quy định tại Điều 61, Điều 67 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Tuy nhiên, tại Hồ sơ mỏ cát xã Châu Ninh của Công ty TNHH Minh Phương, trình tự, thủ tục cấp giấy phép khoáng sản chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể: Không có văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản.

- Tại Hồ sơ cấp Giấy phép chuyển nhượng quyền khai thác mỏ cát biển Thụy Trường 01, xã Đông Thụy Anh (bên chuyển nhượng là Công ty Cổ phần SHC, bên nhận chuyển nhượng là Công ty Cổ phần Hải Đăng Thái Bình), việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ; thành phần hồ sơ đảm bảo theo quy định tại khoản 4 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, 14 Điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên còn tồn tại, hạn chế: Thời hạn giải quyết hồ sơ chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về

việc công bố Danh mục Thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Thái Bình; khoản 5 Điều 1 Giấy phép khai thác khoáng sản số 50/GP-UBND ngày 19/6/2025 ghi: “*Phương pháp khai thác: Dùng tàu bơm hút*” là không đúng quy định theo Mẫu số 24 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tại Hồ sơ cấp Giấy phép chuyển nhượng quyền khai thác nước khoáng tại lỗ khoan LKDH thuộc xã Diên Hà (bên chuyển nhượng là Công ty Cổ phần Nhân Bình và bên nhận chuyển nhượng là Công ty Cổ phần khoáng nóng Nhân Bình): Việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản đảm bảo điều kiện theo quy định tại Điều 58 Luật Địa chất và khoáng sản và khoản 1 Điều 66 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP của Chính phủ; thành phần hồ sơ đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP của Chính phủ; thời hạn giải quyết hồ sơ chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản đảm bảo theo quy định tại khoản 3, khoản 8 Điều 67 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh. Tuy nhiên, còn tồn tại, hạn chế: Giấy phép khai thác khoáng sản số 2119/GP-UBND ngày 11/12/2025 chưa đầy đủ thông tin theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BTNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; cụ thể: Không có thông tin về phương pháp khai thác khoáng sản; trữ lượng khoáng sản đã khai thác.

3.3. Việc cấp Giấy phép tận thu khoáng sản

Trong giai đoạn 2020-2025, trên địa bàn tỉnh không cấp giấy phép tận thu khoáng sản.

3.4. Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quyết định cấp phép hoạt động khoáng sản, quyết định giao khu vực biển, tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (tiền trúng đấu giá) trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Việc thu và đôn đốc nộp tiền thuộc thẩm quyền của Thuế tỉnh Hưng Yên.

Đối với 06 đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên cũ, việc thu và đôn đốc nộp tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường do Quỹ Bảo vệ môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện. Đến nay, các đơn vị đã thực hiện việc ký quỹ đầy đủ theo quy định.

Qua kiểm tra, quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (qua đấu giá) đối với 03 mỏ: Tứ Dân, Mai Động, Tân Hưng đảm bảo theo quy định.

Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính tại Biểu số 13 Phụ lục 2 kèm theo Kết luận thanh tra.

4. Việc thực hiện các quy định có liên quan

4.1. Về thủ tục môi trường; hồ sơ ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường

Các Dự án khai thác khoáng sản tỉnh Hưng Yên cũ đều được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong đó có phương án cải tạo phục hồi môi trường; đều thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường tại Quỹ Bảo vệ môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định trong phương án cải tạo phục hồi môi trường.

Đối với các Dự án khai thác khoáng sản tỉnh Thái Bình cũ thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường tại Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

4.2. Việc thu nộp các báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường đều có Văn bản đôn đốc các tổ chức khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định. Các tổ chức khai thác khoáng sản đều nộp đầy đủ báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4.3. Việc xác định sản lượng khai thác khoáng sản thực tế hàng năm; công suất khai thác theo giấy phép

Sản lượng khoáng sản khai thác của các mỏ cát được ghi lại bằng sổ nhật ký khai thác được lưu tại Công ty; Công ty thực hiện Báo cáo thống kê, kiểm kê định kỳ hàng năm gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường. Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Cục thuế tỉnh kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

III. KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được

- Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành quản lý nhà nước về khoáng sản cơ bản đầy đủ, kịp thời góp phần thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương vào thực tiễn quản lý khoáng sản địa phương.

- Về công tác quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản, đã phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Phương án thăm dò, khai thác, sử dụng và bảo vệ khoáng sản trên địa bàn tỉnh và tích hợp trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; phê duyệt, quyết định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền cho thuê đất/giao khu vực biển hoạt động khoáng sản, sử dụng hạ tầng kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, khoáng sản chưa khai thác, tài nguyên thiên nhiên khác theo quy định của pháp luật; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội tại khu vực có khoáng sản; thực hiện thu tiền ký quỹ bảo vệ môi

trường (đối với các doanh nghiệp tại địa bàn tỉnh Hưng Yên cũ).

- Thực hiện báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản ở trung ương về tình hình hoạt động khoáng sản trên địa bàn đảm bảo thời hạn theo quy định; kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản theo thẩm quyền.

- Thực hiện khắc phục tồn tại, hạn chế được chỉ ra trong các báo cáo, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, Kết luận thanh tra; thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản theo quy định.

- Việc cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản cơ bản đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ (nay là Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản).

2. Tồn tại, hạn chế và trách nhiệm

2.1. Đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chưa tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo điểm d khoản 2 Điều 14 Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024.

- Quá trình tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình cũ khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình cũ trong Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 còn sơ xuất về tổng diện tích 12 khu vực bảo vệ rừng phòng hộ ven biển, rừng ngập mặn là 300 ha không đúng với diện tích khu vực đất bảo vệ rừng phòng hộ ven biển, rừng ngập mặn (đất lâm nghiệp) là 9.286 ha.

- Việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01/7/2024 đến ngày 31/12/2025: Hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát sông Hồng xã Đức Hợp, tỉnh Hưng Yên (MĐ 2.2, xã Mai Động, huyện Kim Động cũ) và mỏ cát sông Hồng xã Tân Hưng, tỉnh Hưng Yên (TH.1.1, xã Tân Hưng, thành phố Hưng Yên cũ) kèm theo Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 18/9/2024 của UBND tỉnh có nội dung yêu cầu tham vấn ý kiến cộng đồng phải được sự đồng thuận của trên 50% cộng đồng dân cư, cá nhân chịu ảnh hưởng trực tiếp của dự án và 100% chính quyền, các đoàn thể tại địa phương (cấp xã) là không phù hợp với quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Việc cấp giấy phép thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản từ ngày 01/7/2024 đến ngày 31/12/2025: Có 02 hồ sơ cấp phép thăm dò khoáng sản trong quá trình thẩm định không thực hiện việc kiểm tra thực địa; không gửi văn bản đến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản theo

quy định tại khoản 4 Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ (mỏ cát sông Hồng (TH.1.1) tại xã Tân Hưng; mỏ cát sông Hồng (MĐ.2.2) tại xã Đức Hợp).

- Việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản từ ngày 01/7/2024 đến ngày 31/12/2025:

+ Cùng là loại hình khai thác cát biển, cát sông bằng công nghệ bơm hút thuộc phương pháp khai thác khoáng sản lộ thiên: nhiều giấy phép đã ghi đúng “Phương pháp khai thác khoáng sản: Lộ thiên” nhưng có một số Giấy phép ghi “Phương pháp khai thác: Bơm hút” là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, Mẫu số 24 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Mẫu số 15 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

+ 01 hồ sơ (chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản mỏ cát biển Thụy Trường 01, xã Đông Thụy Anh) thời hạn giải quyết chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh; Tại khoản 5 Điều 1 Giấy phép khai thác khoáng sản số 50/GP-UBND ngày 19/6/2025 ghi “Phương pháp khai thác: Dùng tàu bơm hút” là không đúng quy định theo Mẫu số 24 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ 01 hồ sơ (chuyển nhượng quyền khai thác nước khoáng tại lỗ khoan LKDH thuộc xã Diên Hà) tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 2119/GP-UBND ngày 11/12/2025 chưa đầy đủ thông tin theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Không có thông tin về phương pháp khai thác khoáng sản; trữ lượng khoáng sản đã khai thác).

+ 01 hồ sơ (mỏ cát xã Châu Ninh) không có văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngoài ra, có 01 tổ chức khai thác cát biển (Công ty Cổ phần Hải Đăng Thái Bình) với diện tích khai thác khoáng sản là 90 ha (có 86,85 ha biển và 3,15 ha đất có mặt nước ven biển) mới được UBND tỉnh quyết định giao 86,85 ha khu vực biển đến nay Công ty Cổ phần Hải Đăng Thái Bình chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê 3,15 ha đất; 01 tổ chức khai thác cát biển (Công ty Cổ phần khai thác khoáng sản Việt Thành được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 2066/GP-UBND ngày 05/12/2025 tại mỏ cát biển TH04 xã Đồng Châu, tỉnh Hưng Yên) đến nay chưa được cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

Trách nhiệm để xảy ra các tồn tại, hạn chế nêu trên thuộc Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường), công chức phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản.

2.2. Đối với Sở Tài chính

Từ năm 2020-2025, Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cũ đã không tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên hàng năm theo quy định tại điểm 5.3 khoản 5 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 41/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hoá giống nhau và Thông tư số 152/2015/TT-BTC.

Trách nhiệm để xảy ra tồn tại, hạn chế nêu trên thuộc Lãnh đạo Sở Tài chính và phòng chuyên môn.

3. Nguyên nhân để xảy ra tồn tại, hạn chế

Để xảy ra các tồn tại, hạn chế nêu tại mục 2 phần III nêu trên do quy định của pháp luật chưa đầy đủ; Lãnh đạo, công chức có liên quan chưa thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao.

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Từ kết quả thanh tra nêu trên, căn cứ Luật Thanh tra năm 2025; Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) và các văn bản hướng dẫn thi hành luật; Chánh Thanh tra tỉnh đề nghị:

1. Về xử lý trách nhiệm

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính kiểm điểm rút kinh nghiệm nghiêm túc trong việc để xảy ra tồn tại, hạn chế nêu tại mục 2 phần III Kết luận này.

2. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Rà soát, chấn chỉnh công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản, quản lý, cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, đặc biệt đối với những tồn tại, hạn chế đã nêu tại mục 2.1 phần III nêu trên.

- Đơn đốc, yêu cầu Công ty Cổ phần Hải Đăng Thái Bình hoàn thiện thủ tục thuê đất đối với diện tích 3,15 ha đất có mặt nước ven biển theo quy định đối với mỏ cát biển Thụy Trường 01 đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác số 50/GP-UBND ngày 19/6/2025. Trong thời gian, Công ty Cổ phần Hải Đăng Thái Bình chưa được UBND tỉnh cho thuê đất cần kiểm tra, quản lý chặt chẽ, không để doanh nghiệp khai thác cát tại khu vực chưa có Quyết định cho thuê đất.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản theo quy định tại khoản 4 Điều 107 Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024 (được sửa đổi, bổ

sung năm 2025).

3. Đề nghị Sở Tài chính

Hàng năm, chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo quy định của pháp luật.

4. Đề nghị Thuế tỉnh Hưng Yên

Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có liên quan trong việc cung cấp thông tin, kiểm tra, rà soát, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản để đảm bảo việc thu nộp ngân sách được đầy đủ theo quy định; trong đó xác định phương pháp khai thác thống nhất trong khai thác cát biển, cát sông theo quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản nhằm tránh thất thu ngân sách.

5. Tổ chức thực hiện

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Thuế tỉnh Hưng Yên tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản (kèm theo tài liệu chứng minh) gửi Thanh tra tỉnh Hưng Yên trước 15/7/2026.

Trên đây là Kết luận thanh tra công tác quản lý, cấp phép hoạt động khoáng sản của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Hưng Yên./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Thuế tỉnh Hưng Yên;
- Các phòng: 1, 4, 6;
- Công Thông tin điện tử Thanh tra tỉnh;
- Lưu: VT, HS *Thao*



CHÁNH THANH TRA

Vũ Quốc Nghị

Phụ lục 1**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 32/KL-TTT ngày 22/6/2026
của Thanh tra tỉnh Hưng Yên)

STT	Tên văn bản	Cơ quan ban hành	Số ký hiệu/ ngày/tháng năm	Nội dung	Ngày có hiệu lực thi hành	Ngày hết hiệu lực thi hành
I Văn bản của UBND tỉnh Thái Bình cũ ban hành						
1	Quyết định	UBND tỉnh	03/2020/QĐ-UBND ngày 17/02/2020	V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cát lòng sông, ven biển trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2011-2020	17/02/2020	
2	Quy chế	UBND tỉnh Thái Bình và UBND tỉnh Nam Định	số 08/QCPh-ND-TB ngày 16/12/2020	Quy chế phối hợp về quản lý khoáng sản cát tại khu vực giáp ranh giữa tỉnh Nam Định và tỉnh Thái Bình	16/12/2020	
3	Công văn	UBND tỉnh	2331/UBND-KTTNMT ngày 21/5/2020	V/v triển khai thực hiện Nghị định số 23/2020/NĐ-CP của Chính phủ		
4	Công văn	UBND tỉnh	2602/UBND-KTTNMT ngày 01/06/2020	Tăng cường thực hiện công tác quản lý nhà nước về khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình		
5	Công văn	UBND tỉnh	4207/UBND-KTTNMT ngày 27/8/2020	Tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác, vận chuyển, kinh doanh cát khu vực biên giới biển tỉnh Thái Bình		
6	Công văn	UBND tỉnh	5083/UBND-NNTNMT ngày 28/10/2020	V/v thực hiện công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác, tập kết bến bãi, kinh doanh		

STT	Tên văn bản	Cơ quan ban hành	Số ký hiệu/ ngày/tháng năm	Nội dung	Ngày có hiệu lực thi hành	Ngày hết hiệu lực thi hành
				khoáng sản và bảo vệ đê điều		
7	Công văn	UBND tỉnh	5277/UBND-NNTNMT ngày 10/11/2020	V/v thực hiện Nghị định số 23/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý khai thác cát, sỏi và bảo vệ lòng, bờ bãi sông		
8	Công văn	UBND tỉnh	5301/UBND-NNTNMT ngày 11/11/2020	V/v tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh		
9	Công văn	UBND tỉnh	1738/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2021	V/v tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm về khai thác cát trên địa bàn tỉnh		
10	Công văn	UBND tỉnh	3670/UBND-NNTNMT ngày 19/8/2021	v/v tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản		
11	Công văn	UBND tỉnh	1186/UBND-NNTNMT ngày 14/4/2022	Về việc tăng cường phối hợp trong quản lý hoạt động khai thác cát tại khu vực giáp ranh		
12	Quyết định	UBND tỉnh	1318/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050	22/6/2022	
13	Công văn	UBND tỉnh	2335/UBND-NNTNMT ngày 04/7/2022	Về việc thực hiện Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
14	Công văn	UBND tỉnh	2992/UBND-BTCD ngày 09/8/2022	Về việc nuôi trồng thủy sản và khai thác cát ven biển		
15	Công văn	UBND tỉnh	2970/UBND-NNTNMT ngày 18/8/2022	Về việc thực hiện Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 22/7/2022		
16	Công văn	UBND tỉnh	613/VP-NNTNMT ngày	Về việc thực hiện thời gian được phép hoạt động khai thác khoáng sản trong ngày		

STT	Tên văn bản	Cơ quan ban hành	Số ký hiệu/ ngày/tháng năm	Nội dung	Ngày có hiệu lực thi hành	Ngày hết hiệu lực thi hành
			05/10/2022			
17	Công văn	UBND tỉnh	3824/UBND-NNTNMT ngày 20/10/2022	V/v tăng cường công tác quản lý khai thác cát trên tuyến sông Hồng tại những khi vực giáp ranh giữa 3 tỉnh		
18	Công văn	UBND tỉnh	1366/UBND-NNTNMT ngày 04/5/2023	V/v tăng cường công tác quản lý, cấp phép, thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường		
19	Công văn	UBND tỉnh	1709/UBND-NNTNMT ngày 30/5/2023	V/v tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về khoáng sản		
20	Kế hoạch	UBND tỉnh	107/KH-UBND ngày 08/8/2023	Thực hiện chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh		
21	Chỉ thị	UBND tỉnh	16/CT-UBND ngày 24/11/2023	V/v tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh với vi phạm, tội phạm trong lĩnh vực quản lý, nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên, khoáng sản		
22	Công văn	UBND tỉnh	104/UBND-NNTNMT ngày 11/01/2024	V/v tăng cường quản lý khai thác cát		
23	Công văn	UBND tỉnh	1818/UBND-NNTNMT ngày 16/5/2024	V/v tăng cường công tác, quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và các dự án khai thác khoáng sản		
24	Chỉ thị	UBND tỉnh	09/CT-UBND ngày 17/5/2024	V/v tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh		
25	Công văn	UBND tỉnh	3401/UBND-NNTNMT	Về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh		

STT	Tên văn bản	Cơ quan ban hành	Số ký hiệu/ ngày/tháng năm	Nội dung	Ngày có hiệu lực thi hành	Ngày hết hiệu lực thi hành
			ngày 04/9/2024	vực khoáng sản		
26	Công văn	UBND tỉnh	3531/UBND-NNTNMT ngày 12/9/2024	Về việc thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà		
27	Công văn	UBND tỉnh	3889/UBND-NNTNMT ngày 07/10/2024	Về việc chấn chỉnh, khắc phục trong quản lý khai thác khoáng sản cát ven biển		
28	Công văn	UBND tỉnh	3084/UBND-NNTNMT ngày 27/6/2025	Về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh		
29	Công văn	UBND tỉnh	1859/UBND-NNTNMT ngày 06/5/2025	Về việc tăng cường công tác quản lý, khai thác, vận chuyển khoáng sản là VLXD thông thường phục vụ dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh		

II Văn bản của UBND tỉnh Hưng Yên cũ ban hành

TT	Tên văn bản	Cơ quan ban hành	Số ký hiệu/ngày tháng/năm	Nội dung	Ngày có hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1	Quyết định	UBND tỉnh	31/2022/QĐ-UBND ngày 18/7/2022	Về việc sửa đổi, bổ sung Điều 22 của Quy định quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên ban hành kèm theo Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh HY	01/8/2022	
2	Quyết định	UBND tỉnh	2450/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	Về việc hủy bỏ Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của UBND tỉnh Hưng Yên về khu vực không đấu giá khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh	27/10/2022	
3	Công văn	UBND tỉnh	2786/UBND-KT2 ngày	Về việc tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị định số		

			15/10/2020	23/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, khai thác cát, sỏi và bảo vệ lòng, bờ bãi sông		
4	Công văn	UBND tỉnh	2892/UBND-KT2 ngày 29/10/2020	Về việc tuyên truyền và triển khai thực hiện Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản		
5	Công văn	UBND tỉnh	2502/UBND D-KT2 ngày 22/9/2022	Về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh		
6	Công văn	UBND tỉnh	2819/UBND D-KT2 ngày 24/10/2022	Về việc tăng cường công tác quản lý khai thác cát trên tuyến sông Hồng khu vực giáp ranh 3 tỉnh		
7	Công văn	UBND tỉnh	1331/UBND -KT2 ngày 26/5/2023	Về việc tăng cường công tác quản lý hoạt động khoáng sản và tháo gỡ vướng mắc về đất đai, VLXD để triển khai các dự án đường bộ cao tốc và bất động sản		
8	Công văn	UBND tỉnh	354/UBND-KT2 ngày 22/2/2023	Về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản làm VLXD TT phục vụ cho các dự án đường bộ cao tốc		
9	Công văn	UBND tỉnh	1791/UBND D-KT2 ngày 27/6/2024	Về việc tăng cường công tác quản lý hoạt động khai thác, tập kết, vận chuyển và kinh doanh cát, sỏi trên địa bàn tỉnh		
III Văn bản của UBND tỉnh Hưng Yên mới ban hành						
TT	Tên văn bản	Cơ quan ban hành	Số ký hiệu/ngày tháng/năm	Nội dung	Ngày có hiệu lực	Ngày hết hiệu lực

1	Công văn	UBND tỉnh	2262/UBND D-KT2 ngày 16/10/2025	Về việc tăng cường công tác quản lý hoạt động khoáng sản và hoạt động của các bến trung chuyển, kinh doanh vật liệu xây dựng ven sông trên địa bàn tỉnh		
2	Công văn	UBND tỉnh	2299/UBND D-KT2 ngày 17/10/2025	Về việc thực hiện Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025		

Phụ lục 2
CÁC BIỂU SỐ LIỆU TRONG THỜI KỲ THANH TRA
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 32/KL-TTT ngày 22/6/2026
của Thanh tra tỉnh Hưng Yên)

Biểu 01. Tổng hợp quyết định phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh

TT	Tên Quyết định	Thẩm quyền ban hành	Phạm vi quy hoạch	Loại khoáng sản	Thời kỳ Quy hoạch	Quy mô, công suất dự kiến	Ghi chú
1	Quyết định số 2640/QĐ-UBND ngày 16/12/2011 về việc phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng cát lòng sông ven biển trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2011-2020	UBND tỉnh Thái Bình	Tỉnh Thái Bình cũ	Cát	2011 - 2020		
2	Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 18/10/2012 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng cát lòng sông ven biển trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2011-2020	UBND tỉnh Thái Bình	Tỉnh Thái Bình cũ	Cát	2011 - 2020		
3	Quyết định số 2252/QĐ-UBND ngày 03/10/2014 về việc bổ sung nội dung Điều 1 Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 18/10/2012 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng cát lòng sông ven biển trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2011-2020	UBND tỉnh Thái Bình	Tỉnh Thái Bình cũ	Cát	2011 - 2020		
4	Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 về việc bổ sung mỏ cát ven biển xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy vào quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng cát lòng sông ven biển trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2011-2020	UBND tỉnh Thái Bình	Tỉnh Thái Bình cũ	Cát	2011 - 2020		
5	Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy	UBND tỉnh Thái Bình	Tỉnh Thái Bình	Cát	2020-2030		

TT	Tên Quyết định	Thẩm quyền ban hành	Phạm vi quy hoạch	Loại khoáng sản	Thời kỳ Quy hoạch	Quy mô, công suất dự kiến	Ghi chú
	hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng cát lòng sông ven biển trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2011-2020	Bình	cũ				
6	Quyết định số 2763/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản để chế biến làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Hưng Yên đến năm 2020	UBND tỉnh Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên cũ	Cát	2011 - 2020		
7	Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Thủ tướng Chính phủ	Tỉnh Hưng Yên cũ	Cát, nước khoáng	2021 - 2030		
8	Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Thủ tướng Chính phủ	Tỉnh Thái Bình cũ	Cát, nước khoáng	2021 - 2030		
9	Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Thủ tướng Chính phủ	Toàn quốc	Nước khoáng	2021 - 2030		Trong đó có tỉnh Hưng Yên

Biểu 02. Tổng hợp khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh

TT	Tên Quyết định	Cơ quan ban hành	Tên khu vực khoáng sản	Loại khoáng sản	Vị trí khu vực	Diện tích (ha)	Lý do cấm/tạm cấm	Thời hạn cấm	Ghi chú
1	Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 về việc phê duyệt kết quả khoan định khu vực cấm, khu vực tạm	UBND tỉnh Thái Bình cũ	Khu vực cấm hoạt động khoáng sản: 1.102 khu vực		Huyện Hưng Hà, Quỳnh Phụ, Thái Thụy, Kiến Xương,	Khu vực cấm hoạt động khoáng sản: 7.902,3 0 ha;	Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật		

TT	Tên Quyết định	Cơ quan ban hành	Tên khu vực khoáng sản	Loại khoáng sản	Vị trí khu vực	Diện tích (ha)	Lý do cấm/tạm cấm	Thời hạn cấm	Ghi chú
	thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2015-2025				Đông Hưng, Vũ Thư, Tiền Hải, Thành phố Thái Bình		Khoảng sản năm 2010		
			Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 657 khu vực			khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 2.745,00 ha	Theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Khoáng sản năm 2010	Giai đoạn từ 2015 - 2025	
2	Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Thủ tướng Chính phủ	Khu vực cấm hoạt động khoáng sản: 1.122 khu vực;			Khu vực cấm hoạt động khoáng sản: 4.319,758 ha;	Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Khoáng sản năm 2010		
			Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 649 khu vực			khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 1.734	Theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật	Giai đoạn từ 2021 - 2030	

TT	Tên Quyết định	Cơ quan ban hành	Tên khu vực khoáng sản	Loại khoáng sản	Vị trí khu vực	Diện tích (ha)	Lý do cấm/tạm cấm	Thời hạn cấm	Ghi chú
						ha	Khoá ng sản 2010		
3	Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 về phê duyệt kết quả khoan định vùng cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	UBND tỉnh Hưng Yên cũ	Khu vực cấm hoạt động khoáng sản: 2.231 khu vực;			Khu vực cấm hoạt động khoáng sản: 74.610, 15 ha	Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Khoá ng sản 2010		
			khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 0			0			
4	Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Thủ tướng Chính phủ	Khu vực cấm hoạt động khoáng sản: 2.231 khu vực;			Khu vực cấm hoạt động khoáng sản: 74.610, 15 ha	Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Khoá ng sản 2010		
			khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 0			0			

Biểu 03. Tổng hợp khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh

TT	Quyết định	Cơ quan ban hành	Tên mỏ/ khu vực khoáng sản	Loại khoáng sản	Vị trí khu vực (xã, tỉnh mới)	Diện tích (ha)	Lý do không đấu giá	Ghi chú
1	1605/QĐ-UBND ngày 28/10/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên	SH-02	Cát	Xã Nam Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên	6,0	Phục vụ công trình, dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức đối tác công tư	
2			SH-03	Cát	Xã Bình Thanh, tỉnh Hưng Yên	6,0		
3			SH-04	Cát	Xã Thư Vũ, tỉnh Hưng Yên	6,0		
4			SH-05	Cát	Xã Thư Vũ, tỉnh Hưng Yên	6,0		
5			SH-07	Cát	Xã Vạn Xuân, tỉnh Hưng Yên	6,0		
6			TH01	Cát	Tỉnh Hưng Yên	90,0		

Biểu 04. Phê duyệt trữ lượng theo loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh

TT	Loại khoáng sản	Trữ lượng		Phân theo cấp (nếu có)				
		Trữ lượng	ĐVT	Cấp 122	ĐVT	Cấp....	ĐVT	...
1	Cát biển	12.829.750	m ³	12.829.750	m ³			
2	Cát sông	1.510.899	m ³	1.510.899	m ³			

Biểu 05. Tổng hợp phê duyệt trữ lượng khoáng sản có hiệu lực trên địa bàn tỉnh

TT	Số QĐ ngày ban hành	Tên mỏ/ điểm mỏ	Vị trí (xã, tỉnh mới)	Loại khoáng sản	Trữ lượng được phê duyệt				
					Cấp 122	ĐVT	Cấp	ĐVT	...
1	Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	TH03	Xã Đồng Châu, tỉnh Hưng Yên	Cát biển	2.748.750	m ³			
2	Quyết định	TH04	Xã Đồng	Cát	2.550.750	m ³			

TT	Số QĐ ngày ban hành	Tên mỏ/điểm mỏ	Vị trí (xã, tỉnh mới)	Loại khoáng sản	Trữ lượng được phê duyệt				
					Cấp 122	ĐVT	Cấp	ĐVT	...
	số 3055/QĐ-UBND ngày 31/12/2023		Châu, tỉnh Hưng Yên	biển					
3	Quyết định số 2773/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	TH11	Xã Hưng Phú, tỉnh Hưng Yên	Cát biển	3.891.000	m ³			
4	Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	TH12	Xã Hưng Phú, tỉnh Hưng Yên	Cát biển	3.639.250	m ³			
5	1303/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	Tứ Dân	Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu	Cát sông	843.814	m ³			
6	1343/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	Mai Động	Xã Mai Động, huyện Kim Động	Cát sông	170.579	m ³			
7	1342/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	Tân Hưng	Xã Tân Hưng, TP Hưng Yên	Cát sông	496.506	m ³			

Biểu 06. Kết quả thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản trên địa bàn tỉnh

T T	Loại khoáng sản	Trữ lượng		Phân theo cấp (nếu có)				
		Trữ lượng	ĐVT	Cấp 122	ĐVT	Cấp....	ĐVT	...
1	Cát biển	12.829.750	m ³	12.829.750	m ³			
2	Cát sông	1.510.899	m ³	1.510.899	m ³			

Biểu 07. Tổng hợp xử lý vi phạm pháp luật khoáng sản

Năm	Số cuộc thanh tra, kiểm tra	Số vụ vi phạm PL khoáng sản	Số vụ chuyển cơ quan điều tra	Hình thức xử lý VPHC (đồng)			Tổ chức/cá nhân bị xử phạt		Các hành vi vi phạm chính
				Số tiền phải chấp hành (triệu đồng)	Số tiền đã chấp hành nộp (triệu đồng)	Tịch thu khoáng sản và truy thu, tịch thu tang vật VPHC thu hồi	Tổng số tổ chức, cá nhân bị xử phạt	Số tổ chức, cá nhân đã chấp hành QĐXP	
2020	02	không	không						
2021		04	không	1.010	1.010		04	04	khai thác vượt công suất
2022	không	không	không						
2023	09	01	không	950	950		01	01	khai thác vượt công suất
2024	04	không	không						
2025		02	không	530	530		02	02	khai thác vượt công suất và không điều chỉnh GP khai thác
Tổng	15	07		2.490	2.490		07	07	

Biểu 08. Kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản giai đoạn từ năm 2020-2025

TT	Vị trí mỏ (xã, tỉnh mới)	Tổ chức trúng đấu giá	Giá khởi điểm (hệ số R)	Giá trúng (hệ số R)	Chênh lệch (lần)	Thời gian
1	TH03, xã Đồng Châu, tỉnh Hưng Yên	Công ty Cổ phần đầu tư XNK Thăng Long	5,5%	6,5%	1,5	2023
2	TH04, xã Đồng Châu, tỉnh Hưng Yên	Công ty Cổ phần khai thác khoáng sản Việt Thành	5,5%	6,25%	1,25	2023
3	TH11, xã Đồng Châu, tỉnh Hưng Yên	Công ty Cổ phần khai thác khoáng sản Việt Thành	5,5%	6,25%	1,25	2023
4	TH12, xã Đồng Châu, tỉnh Hưng Yên	Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải	5,5%	6,25%	1,25	2023
5	Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu	Công ty TNHH Minh Phương	15%	17%	1,13	2022
6	Xã Mai Động, huyện Kim Động	Công ty TNHH xây dựng Đức An Hưng Yên	15%	489%	32,6	2024
7	Xã Tân Hưng, TP Hưng Yên	Công ty CP ĐTXD Hà Thành UDIC	15%	700%	46,66	2024
8	Mỏ cát xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên (xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà cũ)	Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải	17%	23%	1,35	2023 (hủy kết quả)

Biểu 09. Tổng hợp giấy phép thăm dò khoáng sản đang còn hiệu lực

TT	Số GP	Ngày cấp	Cơ quan cấp giấy phép	Khoáng sản	Vị trí mỏ (xã, tỉnh mới)	Tổ chức/cá nhân được cấp phép	Diện tích (ha)	Thời hạn (năm)
1	2078/GP-UBND	08/12/2025	UBND tỉnh	cát	Xã Nam Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên	Công ty Cổ phần SHC	3,92	06 tháng
2	2121/GP-UBND	11/12/2025	UBND tỉnh	cát	Xã Thụ Vũ, tỉnh Hưng Yên	Công ty Cổ phần ĐTXD hạ tầng Hoàng Cầu	06	05 tháng
3	2316/GP-	29/12/2025	UBND	cát	Xã Thụ Vũ,	Công ty Cổ	4,98	05

TT	Số GP	Ngày cấp	Cơ quan cấp giấy phép	Khoáng sản	Vị trí mỏ (xã, tỉnh mới)	Tổ chức/cá nhân được cấp phép	Diện tích (ha)	Thời hạn (năm)
	UBND		tỉnh		tỉnh Hưng Yên	phần XD Xuân Quang		tháng

Biểu 10. Thống kê giấy phép khai thác khoáng sản giai đoạn 2020-2025 và giấy phép đang còn hiệu lực đến ngày 31/12/2025

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Khoáng sản	Vị trí mỏ/khu vực khai thác	Tổ chức/cá nhân được cấp phép	Diện tích (ha)	Thời hạn (năm)	Trữ lượng khai thác		Công suất khai thác		Ghi chú
								ĐVT	Trữ lượng	ĐV T	Công suất	
I Giấy phép do UBND tỉnh/ Chủ tịch UBND tỉnh cấp												
1	43/GP-UBND	27/5/2024	Cát biển	xã Đồng Châu	Công ty CP đầu tư XNK Thăng Long	90	05	m ³	2.706.000	m ³ /năm	550.000	Đang khai thác
2	2066/GP-UBND	05/12/2025	Cát biển	xã Đồng Châu	Công ty CP khai thác khoáng sản Việt Thành	90	05	m ³		m ³ /năm		Chưa khai thác
3	44/GP-UBND	27/5/2024	Cát biển	xã Hưng Phú	Công ty CP khai thác khoáng sản Việt Thành	95	05	m ³	3.786.286	m ³ /năm	830.000	Đang khai thác
4	42/GP-UBND	27/5/2024	Cát biển	xã Hưng Phú	Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải	95	05	m ³	3.537.712	m ³ /năm	750.000	Đang khai thác
5	50/GP-UBND	19/6/2025	Cát biển	Xã Đông Thụy Anh	Công ty CP Hải Đăng Thái Bình	90	03/6/2028	m ³	3.772.051	m ³ /năm	1.000.000	Đang khai thác
6	1502/GP-UBND	23/10/2025	Cát sông	Xã Đức Hợp	Công ty TNHH xây dựng Đức An Hưng Yên	24,5	23/10/2030	m ³	159.113	m ³ /năm	45.000	Đang khai thác
7	1503/GP-UBND	23/10/2025	Cát sông	Xã Tân Hưng	Công ty CP ĐTXD Hà Thành – UDIC	22,3	23/10/2032	m ³	446.363	m ³ /năm	70.000	Đang khai thác

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Khoáng sản	Vị trí mỏ/khu vực khai thác	Tổ chức/cá nhân được cấp phép	Diện tích (ha)	Thời hạn (năm)	Trữ lượng khai thác		Công suất khai thác		Ghi chú
								ĐVT	Trữ lượng	ĐVT	Công suất	
8	1282/GP-UBND	23/10/2025	Cát sông	Xã Châu Ninh	Công ty TNHH Minh Phương	27,4	07/10/2034	m ³	810.000	m ³ /năm	95.000	Đang khai thác
9	1993/GP-UBND	27/9/2023	Cát sông	Xã Quảng Châu	Công ty CP ĐTXD và VL Hồng Giang	10,5	12/5/2027	m ³	376.000	m ³ /năm	74.000	Đã nộp HS Đóng cửa mỏ
10	1994/GP-UBND	27/9/2023	Cát sông	Xã Tân Hưng	Công ty CP ĐT công nghệ Phúc An	16,5	12/5/2027	m ³	370.000	m ³ /năm	80.000	Đang dừng khai thác
11	1995/GP-UBND	27/9/2023	Cát sông	Xã Hoàng Hanh	Công ty Cổ phần HDQ City	8,25	12/5/2027	m ³	253.000	m ³ /năm	45.000	Đã nộp HS Đóng cửa mỏ
12	2119/GP-UBND	11/12/2025	Nước khoáng	Xã Diên Hà	Công ty CP khoáng nóng Nhân Bình		19/02/2051			m ³ /ngày	400	Đang khai thác
13	13/GP-UBND	07/6/2016	Cát sông	Xã Lê Quý Đôn	Công ty CP cát Đại Lợi	18,04	12 năm 09 tháng	m ³	800.293	m ³ /năm	62.400	Cấp phép trước thời kỳ thanh tra
14	14/GP-UBND	07/6/2016	Cát sông	Xã Long Hưng	Công ty CP cát Đại Lợi	18,19	10 năm 11 tháng	m ³	934.839	m ³ /năm	81.120	Cấp phép trước thời kỳ thanh tra
II Giấy phép do Bộ cấp												
1	315/GP-BTNMT	12/02/2019	Nước khoáng	Xã Đồng Châu	Công ty TNHH nước khoáng thiên nhiên ORIS		27 năm			m ³ /ngày	76,36	điều chỉnh tên tại QĐ 2333/QĐ-BTNMT ngày

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Khoáng sản	Vị trí mỏ/khu vực khai thác	Tổ chức/cá nhân được cấp phép	Diện tích (ha)	Thời hạn (năm)	Trữ lượng khai thác		Công suất khai thác		Ghi chú
								ĐVT	Trữ lượng	ĐVT	Công suất	
												13/9/2022
2	2108/GP-BTNMT	31/10/2013	Nước khoáng	Xã Đồng Châu	Công ty CP BB Vital Holdings		20 năm			m ³ /ngày	200	điều chỉnh tên tại QĐ 2286/QĐ-UBND ngày 26/12/2025
3	3069/GP-BTNMT	02/12/2019	Nước khoáng	Xã Tiên Hải	Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Thái Bình		25 năm			m ³ /ngày	55	
4	1440/GP-BNNMT	13/6/2017	Nước khoáng	Xã Như Quỳnh	Công ty TNHH LAVIE-Chi nhánh Hưng Yên		08/12/2030			m ³ /ngày	1.920	

Biểu 11. Thống kê giấy phép khai thác khoáng sản đến ngày 31/12/2025 hết hiệu lực nhưng chưa đóng cửa mỏ

TT	Số GP	Ngày cấp	Khoáng sản	Vị trí mỏ (xã, tỉnh mới)	Tổ chức/cá nhân được cấp phép	Diện tích (ha)	Thời hạn (năm)	Ghi chú
1	01/GP-UBND	17/01/2014	cát	Xã Vũ Tiên	Công ty Cổ phần đầu tư XNK Thăng Long	19,8	11 năm 04 tháng	Đã nộp HS đóng cửa mỏ

Biểu số 12. Kết quả khai thác theo loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh

TT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Sản lượng khoáng sản nguyên khai						
			Tổng	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Cát	m ³	20.218.688	4.443.807	4.031.671	4.414.833	3.163.764	2.250.420	1.914.193
2	Nước khoáng	m ³	479.360	8.314	7.766	9.305	9.884	10.474	433.617

Biểu 13. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính

Năm	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		Thuế tài nguyên		Phí bảo vệ môi trường		Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường		Tiền thuê đất/sử dụng khu vực biển		Nghĩa vụ tài chính khác (ghi rõ nếu có)	
	Phải thực hiện	Đã thực hiện	Phải thực hiện	Đã thực hiện	Phải thực hiện	Đã thực hiện	Phải thực hiện	Đã thực hiện	Phải thực hiện	Đã thực hiện	Phải thực hiện	Đã thực hiện
2020	12.908.454.000	12.908.454.000	47.703.638.066	47.699.225.840	9.126.922.006	8.820.923.676	82.383.000	82.383.000	93.727.000	93.727.000		
2021	45.826.536.000	45.826.536.000	180.741.780.813	180.740.859.090	5.340.631.488	5.203.809.618	334.496.326	334.496.326	439.027.530	439.027.530		
2022	12.908.454.000	12.908.454.000	48.437.183.748	48.318.065.950	8.642.615.248	8.598.770.908	82.383.000	82.383.000	144.639.760	144.639.760		
2023	23.236.134.000	23.236.134.000	49.878.397.223	49.793.036.738	7.334.507.491	7.334.507.491	538.510.058	577.380.907	137.782.264	137.782.264		
2024	18.129.776.625	18.129.776.625	53.742.032.848	53.731.702.848	9.573.635.406	9.539.535.406	183.234.857	183.234.857	468.024.199	468.024.199		
2025	58.800.544.459	58.800.544.459	57.135.023.795	53.296.491.045	9.018.273.286	6.871.098.886	768.441.402	768.441.402	2.426.148.069	2.426.148.069		
Tổng	171.809.899.084	171.809.899.084	437.638.056.492	433.579.381.511	49.031.379.925	46.368.645.985	1.989.448.643	2.028.319.492	3.709.348.822	3.709.348.822		

Ghi chú: Biểu 13. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của 07 doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản thực hiện thanh tra (gồm: Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải; Công ty TNHH nước khoáng thiên nhiên Oris; Công ty TNHH Lavie; Công ty Cổ phần khai thác khoáng sản Việt Thành đối với mỏ TH11; Công ty Cổ phần dịch vụ dầu khí Thái Bình; Công ty Cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long; Công ty Cổ phần BB Vital Holding).

Phụ lục 3
BIỂU TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 32/KL-TTT ngày 22/6/2026 của Thanh tra tỉnh Hưng Yên)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Kiến nghị xử lý trách nhiệm			Ghi chú
			Hành chính	Chuyển cơ quan công an	Chuyển cơ quan chức năng khác	
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01/7/2024 đến ngày 31/12/2025: Hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát sông Hồng xã Đức Hợp, tỉnh Hưng Yên (MĐ 2.2, xã Mai Động, huyện Kim Động cũ) và mỏ cát sông Hồng xã Tân Hưng, tỉnh Hưng Yên (TH.1.1, xã Tân Hưng, thành phố Hưng Yên cũ) kèm theo Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 18/9/2024 của UBND tỉnh có nội dung yêu cầu tham vấn ý kiến cộng đồng phải được sự đồng thuận của trên 50% cộng đồng dân cư, cá nhân chịu ảnh hưởng trực tiếp của dự án và 100% chính quyền, các đoàn thể tại địa phương (cấp xã) là không phù hợp với quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.	Rút kinh nghiệm			
		- Việc cấp giấy phép thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản từ ngày 01/7/2024 đến ngày 31/12/2025: + 02 hồ sơ cấp phép thăm dò khoáng sản trong quá trình thẩm định không thực hiện việc kiểm tra thực địa; không gửi văn bản đến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản theo quy định tại khoản 4 Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ (mỏ cát sông Hồng (TH.1.1) tại xã Tân Hưng; mỏ cát sông Hồng (MĐ.2.2) tại xã Đức Hợp).	Rút kinh nghiệm			
		- Việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản từ ngày 01/7/2024 đến ngày 31/12/2025: + Cùng là loại hình khai thác cát biển, cát sông bằng công nghệ bơm hút thuộc phương pháp khai thác khoáng sản lộ thiên: nhiều giấy phép đã ghi đúng “Phương pháp khai thác khoáng sản: Lộ thiên” nhưng có một số Giấy phép ghi “Phương pháp khai thác: Bơm hút” là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, Mẫu số 24 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là mẫu số 15 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường). + 01 hồ sơ (chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản mỏ cát biển Thụy Trường 01, xã Đông Thụy Anh) thời hạn giải quyết chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của Chủ	Rút kinh nghiệm			



STT	Tên tổ chức/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Kiến nghị xử lý trách nhiệm			Ghi chú
			Hành chính	Chuyển cơ quan công an	Chuyển cơ quan chức năng khác	
		tịch UBND tỉnh; tại khoản 5 Điều 1 Giấy phép khai thác khoáng sản số 50/GP-UBND ngày 19/6/2025 ghi “Phương pháp khai thác: Dùng tàu bơm hút” là không đúng quy định theo Mẫu số 24 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. + 01 hồ sơ (chuyển nhượng quyền khai thác nước khoáng tại lỗ khoan LKDH thuộc xã Diên Hà) tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 2119/GP-UBND ngày 11/12/2025 chưa đầy đủ thông tin theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Không có thông tin về phương pháp khai thác khoáng sản; trữ lượng khoáng sản đã khai thác). + 01 hồ sơ (mỏ cát xã Châu Ninh) không có văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP của Chính phủ.				
2	Sở Tài chính	Từ năm 2020-2025, Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cũ đã không tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên hàng năm theo quy định tại điểm 5.3 khoản 5 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 41/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hoá giống nhau và Thông tư số 152/2015/TT-BTC.	Rút kinh nghiệm			

